

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Về hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi vay vốn thông qua các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi vay vốn thông qua các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi vay vốn thông qua các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có hoạt động cho vay được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật bao gồm:

- Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; Quỹ Bảo vệ môi trường tại địa phương;
- Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tại địa phương;
- Quỹ Hỗ trợ nông dân Việt Nam và Quỹ Hỗ trợ nông dân tại địa phương);
- Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;
- Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có hoạt động cho vay do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Khách hàng vay vốn tại Quỹ tài chính nhà nước có các khoản vay đáp ứng đầy đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất quy định tại Điều 4 Nghị định này.

c) Cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “*Khách hàng*” là các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. “*Cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*” (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý Quỹ) bao gồm cơ quan quản lý Quỹ do trung ương quản lý và cơ quan quản lý Quỹ do địa phương quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất

1. Việc hỗ trợ lãi suất bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, tránh trục lợi chính sách.

2. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí hỗ trợ lãi suất cho khách hàng thông qua Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hằng năm và trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện hỗ trợ lãi suất đảm bảo đúng quy định, tạo thuận lợi cho khách hàng.

Điều 4. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

1. Khách hàng vay vốn tại Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều

kiện sau:

a) Khoản vay được sử dụng để thực hiện dự án được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận đáp ứng các tiêu chí là dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo quy định tại quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thuộc Danh sách các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Khoản vay chưa được hưởng hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác và có mức lãi suất vay vốn tối thiểu là 2%/năm;

c) Được Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giải ngân và có phát sinh dư nợ kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

d) Khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định.

2. Không tiếp tục thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này đối với:

a) Khoản vay có số dư nợ gốc bị quá hạn hoặc được gia hạn nợ.

b) Khoản vay thực hiện dự án không còn thuộc Danh sách các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 5. Thời gian và mức hỗ trợ lãi suất

1. Thời gian được hỗ trợ lãi suất của khoản vay được xác định từ ngày giải ngân đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và khách hàng.

2. Mức hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng là 2%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ lãi suất

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn thông qua Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và thực hiện chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định tại Nghị định này.

2. Hằng tháng, Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện tính số tiền hỗ trợ lãi suất và giảm trừ trực tiếp vào số tiền lãi phải trả của khách hàng vay vốn.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi suất

1. Nguồn kinh phí để thực hiện hỗ trợ lãi suất thông qua các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại trung ương thuộc cơ quan quản lý Quỹ do trung ương quản lý được bố trí từ nguồn đầu tư công thuộc ngân sách trung ương.

2. Nguồn kinh phí để thực hiện hỗ trợ lãi suất thông qua các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại địa phương thuộc cơ quan quản lý Quỹ do địa phương quản lý được bố trí từ nguồn đầu tư công thuộc ngân sách địa phương.

Điều 8. Xác định số tiền hỗ trợ lãi suất

- Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân được tính theo công thức:

$$I = 2\% \times \sum(D_i \times T_i) / 365$$

Trong đó:

- I là số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản giải ngân;
- $\sum(D_i \times T_i)$ là tổng các tích số giữa số dư nợ với số ngày dư nợ thực tế được hỗ trợ lãi suất của khoản vay.
- Số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế thanh toán cho một khoản vay là tổng số tiền lãi suất thực tế thanh toán cho tất cả các khoản giải ngân của khoản vay đó.
- Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất thực tế đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán là tổng số tiền lãi thực tế thanh toán cho tất cả các khoản vay của khách hàng đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất quy định tại Nghị định này.

Điều 9. Lập dự toán, chấp hành, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ lãi suất thông qua Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Lập dự toán, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai ngân sách nhà nước bố trí cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để thực hiện hỗ trợ lãi suất

Việc lập dự toán, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện hỗ trợ lãi suất thông qua Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức chi ngân sách nhà nước

a) Trong phạm vi dự toán được giao trong năm, trước ngày 10 của tháng đầu tiên hàng quý, Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này của quý trước liền kề, bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất, trong đó ghi rõ số tiền Quỹ tài chính nhà nước đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề, số tiền đề nghị thanh toán trước bằng 100% số tiền Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng trong quý trước liền kề, tài khoản nhận tiền của Quỹ tài chính nhà nước;

- Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất của quý trước liền kề theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện thanh toán trước cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất trong năm thực tế phát sinh nhỏ hơn số dự toán được bố trí, phân chênh lệch bố trí dự toán thừa thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Xử lý việc thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất

a) Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện khoản vay của khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này thì Quỹ tài chính nhà nước tiến hành thu hồi ngay số tiền Quỹ tài chính nhà nước đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn.

b) Trường hợp ngân sách nhà nước đã thanh toán số tiền hỗ trợ lãi suất hoặc đã quyết toán hỗ trợ lãi suất cho khoản vay quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Quỹ tài chính nhà nước phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Chế độ báo cáo

1. Quy định về lập và gửi báo cáo:

a) Định kỳ hằng quý, năm, Quỹ tài chính nhà nước lập và gửi báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất tới cơ quan quản lý Quỹ theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Định kỳ hằng năm

- Đối với Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại trung ương, cơ quan quản lý Quỹ gửi báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất tới Bộ Tài chính theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Đối với Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại địa phương, trên cơ sở báo cáo của cơ quan quản lý Quỹ tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất tới Bộ Tài chính theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời hạn, thời gian chốt số liệu và phương thức gửi báo cáo

a) Thời hạn gửi báo cáo

- Báo cáo Quý: Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc Quý;

- Báo cáo năm: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo Quý, năm: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày đầu tiên của Quý, năm báo cáo; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày cuối cùng của Quý, năm báo cáo;

c) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;
- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;
- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;
- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định;

b) Cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ cần thiết theo đề nghị của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trong quá trình hỗ trợ lãi suất, quyết toán hỗ trợ lãi suất; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, tài liệu, chứng từ cung cấp cho Quỹ tài chính nhà nước.

c) Nếu không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này thì phải hoàn trả cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: toàn bộ số vốn vay không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích (nếu có); số tiền hỗ trợ lãi suất trước đó của số vốn vay không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất.

2. Trách nhiệm của Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

a) Thực hiện quy định về lập dự toán, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện hỗ trợ lãi suất thông qua Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Hướng dẫn, thực hiện cho vay và hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn tại Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đúng đối tượng theo quy định tại Nghị định này, kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát hiện khách hàng vay vốn không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất thì có trách nhiệm thu hồi toàn bộ số vốn vay không đúng đối tượng và/hoặc sử dụng vốn vay không đúng mục đích (nếu có) và số tiền đã hỗ trợ lãi suất trước đó của số vốn vay không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ đề nghị xét duyệt quyết toán và số liệu báo cáo đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất. Thực hiện lưu giữ toàn bộ hồ sơ hỗ trợ lãi suất cho từng khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

a) Thực hiện quy định về lập dự toán, chấp hành, quyết toán, kiểm toán, công khai ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện hỗ trợ lãi suất thông qua các Quỹ tài chính nhà nước theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này, các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát và các chức năng khác (nếu có) đối với nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước bố trí để hỗ trợ lãi suất thông qua các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo việc thực hiện hỗ trợ lãi suất của các Quỹ tài chính nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định hướng dẫn xác nhận dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) để được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

b) Theo dõi, tổng hợp, cập nhật và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Danh sách các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo văn bản xác nhận hoặc quyết định thu hồi văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền vào ngày 30/6 và 31/12 hằng năm làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tra soát, thực hiện hỗ trợ lãi suất.

5. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước tài chính nhà nước ngoài ngân sách để xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Hướng dẫn Quỹ tài chính nhà nước tài chính nhà nước ngoài ngân sách quy trình thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo quy định tại Nghị định này.

c) Theo dõi việc triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) trên địa bàn được vay vốn hỗ trợ lãi suất theo Nghị định này.

d) Chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước tài chính nhà nước ngoài ngân sách để xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các Quỹ tài chính nhà nước tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các cơ quan quản lý Quỹ tài chính nhà nước tài chính nhà nước ngoài ngân sách có hoạt động cho vay;
- Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có hoạt động cho vay;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO QUÝ, NĂM VỀ THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 198/2025/QH15
(Kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025
của Chính phủ)

QUỠ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 198/2025/QH15
Quý/Năm...

Kính gửi¹:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRONG KỲ BÁO CÁO

1. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu đến cuối kỳ trước: ... đồng.

2. Tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất trong kỳ chi tiết:

Đơn vị: đồng

STT	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất	Số tiền giải ngân cho vay trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền được thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1.					
2.					
...					
	Tổng số				

3. Số tiền đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán trước trong kỳ: ... đồng.

4. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu trong kỳ: ... đồng.

¹ Gửi cơ quan quản lý của Quỳ

II. LŨY KẾ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT

1. Lũy kế số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trước: ... đồng.
2. Lũy kế số tiền đã hỗ trợ lãi suất: ... đồng.
3. Lũy kế số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi: ...đồng.
4. Lũy kế số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu:... đồng.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

*(Ký, ghi rõ họ
tên)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO NGHỊ
QUYẾT SỐ 198/2025/QH15***(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025
của Chính phủ)***CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Số:...../BC-.....

BÁO CÁO**Về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 198/2025/QH15
Năm...**

Kính gửi: Bộ Tài chính

1. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu năm trước chuyển sang:... đồng (nếu có).
2. Dự toán chi hỗ trợ lãi suất được giao trong năm: ... đồng.
3. Số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trước trong năm (bao gồm cả số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong tháng 01 năm sau): ... đồng.
4. Số tiền được ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm: ... đồng; trong đó chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Tên Quỹ tài chính nhà nước	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất	Số tiền giải ngân cho vay trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền được thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1.						
2.						
...						
	Tổng số					

5. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu:... đồng.
6. Các vấn đề phát hiện qua quá trình tổng hợp báo cáo quyết toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có).
7. Các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO NGHỊ
QUYẾT SỐ 198/2025/QH15***(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025
của Chính phủ)***ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Số:...../BC-.....

BÁO CÁO**Về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 198/2025/QH15
Năm...**

Kính gửi: Bộ Tài chính

1. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu năm trước chuyển sang:... đồng (nếu có).
2. Dự toán chi hỗ trợ lãi suất được giao trong năm: ... đồng.
3. Số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trước trong năm (bao gồm cả số tiền đã được ngân sách nhà nước thanh toán trong tháng 01 năm sau): ... đồng.
4. Số tiền được ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm: ... đồng; trong đó chi tiết như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Tên Quỹ tài chính nhà nước	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hỗ trợ lãi suất	Số tiền giải ngân cho vay trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm	Số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền được thanh toán hỗ trợ lãi suất trong năm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1.						
2.						
...						
	Tổng số					

5. Số tiền ngân sách nhà nước đã thanh toán hỗ trợ lãi suất thừa/thiếu:... đồng.
6. Các vấn đề phát hiện qua quá trình tổng hợp báo cáo quyết toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát (nếu có).
7. Các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)